

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **848/2018/HCPT**

Ngày: 19/9/2018

V/v “ Khiếu kiện quyết định bồi
thường hỗ trợ tái định cư ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu

Các Thẩm phán: Ông Trần Đức Nam

Bà Huỳnh Thụy Xuân Vinh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Long Tiền Nhật

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 8 và ngày 19 tháng 9 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 17/2018/TLPT-HC ngày 02 tháng 7 năm 2018

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 620/2018/HC-ST ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3285/2018/QĐPT ngày 26 tháng 7 năm 2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 6454/2018/QĐPT-HC ngày 20 tháng 8 năm 2018, Thông báo về thời gian tiến hành phiên tòa số 6966/TB-TA ngày 04 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Bà **Vũ Thị L**

Địa chỉ: 122 Đường T, phường 22, quận B, thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần P (có mặt).

Địa chỉ: 122 Đường T, phường 22, quận B, thành phố H

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: ông Trần Thanh H – Luật sư Công ty Luật TNHH T, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

Người bị kiện : Ủy ban nhân dân quận B

Địa chỉ: 06 Phan Đăng Lưu, phường 14, quận B, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H – Phó Chủ tịch UBND quận B (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: ông Phan Ngọc Anh H– Trưởng ban bồi thường, giải phóng mặt bằng quận B (Có mặt)

NHẬN THẤY:

Tại Đơn khởi kiện ngày 17/8/2012 bà Vũ Thị L trình bày : bà nhận được Quyết định số 6521/QĐ-UBND ngày 15/10/2009 của Ủy ban nhân dân (UBND) quận B về việc bồi thường hỗ trợ giải tỏa một phần nhà và đất tại địa chỉ 122 Đường T, Phường 22, quận B, thành phố H có nội dung như sau: *Bồi thường 100% diện tích 2,442m² đất bị thu hồi, phần đất bị thu hồi, còn lại 89,852m² chỉ hỗ trợ 30% không bồi thường, hỗ trợ về nhà ở, công trình kiến trúc gắn liền với đất.*

Không đồng ý với Quyết định trên bà L đã gửi đơn khiếu nại đến chủ tịch UBND quận B. Ngày 31/5/2011, Chủ tịch UBND quận B ra Quyết định số 8105/QĐ-UBND với nội dung *“Bác đơn khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 6521/QĐ-UBND và bồi thường hỗ trợ bổ sung số tiền 51.761.832 đồng và lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng (tính từ ngày 02/11/2004 đến ngày 17/5/2011) với số tiền là 42.342.168 đồng. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 679.303.668 đồng (sáu trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm lẻ ba ngàn, sáu trăm sáu mươi tám đồng)...”*.

Không đồng ý Quyết định giải quyết khiếu nại số 8105/QĐ-UBND ngày 31/5/2011 của Chủ tịch UBND quận B . Bà L tiếp tục gửi đơn khiếu nại đến Thanh tra Tp.HCM. Ngày 18/6/2012, Chủ tịch UBND TPHCM ra Quyết định số 3149/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại, giữ nguyên Quyết định số 8105/QĐ-UBND ngày 31/5/2011 của Chủ tịch UBND quận B.

Nay bà L khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân quận B hủy Quyết định số 6521/QĐ-UBND ngày 15/10/2009 của UBND quận B. Yêu cầu UBND quận B giải quyết bồi thường 100% đơn giá cho phần diện tích đất 89,852 m² bị thu hồi.

Người bị kiện do ông Phan Ngọc Anh Huy – người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Về nguồn gốc nhà, đất: Căn nhà số 122, đường Đường T, Phường 22, quận B do bà Vũ Thị L xây dựng trên phần đất chuyển nhượng của ông Đỗ Phi Răng ngày 12/12/1989 bằng giấy tay. Phần đất này không thuộc khuôn viên bán hóa giá căn nhà của ông Răng.

Ngày 30/8/1990, bà Vũ Thị L được phòng Xây dựng quận B cấp Giấy phép xây dựng số 407/GPXD với diện tích 80,5m².

Ngày 25/02/2002, bà Vũ Thị L đã được UBND TPHCM cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (GCN) số 4359/2002 với diện

tích đất được công nhận là 245,1m².

Theo bản vẽ hiện trạng vị trí phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ thì căn nhà số 122 Đường T, Phường 22, quận B có diện tích đất khuôn viên là 329,6m² trong đó có một phần diện tích 92,3m² thuộc dự án Xây dựng cầu Thủ Thiêm và chỉnh trang đô thị khu vực (nhánh N4), quận B. Trong 92,3m² đất bị thu hồi có 7,8m² đất được công nhận trong Giấy chứng nhận, còn lại 84,5m² đất thuộc lộ giới đường Đường T, Phường 22, quận B không được công nhận trong giấy chứng nhận.

Về bồi thường, hỗ trợ:

Căn cứ Phương án số 194/PABT ngày 28 tháng 10 năm 2004 về giá bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để tổ chức bồi thường, chuẩn bị mặt bằng triển khai dự án Xây dựng cầu Thủ Thiêm và chỉnh trang đô thị khu vực trên địa bàn quận B đã được Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt tại Quyết định số 5402/QĐ-UB ngày 02 tháng 11 năm 2004 quy định tại:

- Điểm a, khoản 1, Phần III về các điều kiện để được bồi thường thiệt hại về đất: “*Có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai*”;

- Mục b.3 điểm b, khoản 2, Phần IV: “*Đối với đất ở có nguồn gốc chiếm dụng thì không được bồi thường thiệt hại về đất, nhưng được xét hỗ trợ*”;

- *Đối với trường hợp nằm trong lộ giới: Từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993: Hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường.*”

Ngày 15/10/2009, UBND quận B ban hành Quyết định số 6521/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ khi giải tỏa một phần căn nhà số 122 đường Đường T Phường 22, quận B là đúng theo quy định, cụ thể:

- Bồi thường bằng 100% đơn giá đất ở đối với phần diện tích 7,8m² được công nhận quyền sử dụng đất.

- Hỗ trợ bằng 30% đối với phần diện tích 89,652m² thuộc lộ giới đường Đường T, Phường 22 không được công nhận.

Do đó, nội dung đơn khởi kiện của bà Vũ Thị L yêu cầu được tính bồi thường bằng 100% đơn giá đất ở đối với phần diện tích 89,652m² thuộc lộ giới đường Đường T, Phường 22, quận B không có cơ sở giải quyết.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 620/2018/HCST ngày 09/4/2018 của Tòa án nhân dân quận B đã xét xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L; Hủy Quyết định số 6521/QĐ-UBND ngày 15/10/2009 của UBND quận B.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 18/6/2018 UBND quận B nhận bản án (bút lục 30).

Ngày 19/4/2018 UBND quận B kháng cáo (Đơn ngày 10/4/2018 – bút lục số 187)

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- UBND quận B trình bày kháng cáo tại Công văn số 3195/UBND-BTGPMB ngày 04/9/2018: phần diện tích đất bị giải tỏa, nguồn gốc chiếm hữu bất hợp pháp và nằm trong lộ giới, nên không được bồi thường 100% theo đơn giá đất ở.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND quận B trình bày : Nhà nước chỉ bán hóa giá căn nhà có diện tích xây dựng là 118m² cho ông Đỗ Phi Răng, còn phần khuôn viên đất Nhà nước không bán hóa giá cho ông Đỗ Phi Răng, điều này được thể hiện rõ tại Điều 3 của Hợp đồng mua bán nhà số 320/HĐMBN ngày 20/4/1987, Nhà nước chỉ tính giá bán căn nhà không tính giá đất toàn bộ khuôn viên 463m². Phần diện tích đất bị giải tỏa, nguồn gốc chiếm hữu bất hợp pháp và nằm trong lộ giới, nên không được bồi thường 100% theo đơn giá đất ở. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của UBND quận B.

- Người khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 6521/QĐ-UBND ngày 15/10/2009 của UBND quận B để giải quyết bồi thường lại cho đủ 100% đơn giá đất ở đối với phần diện tích bị giải tỏa 89,852m² và tính lại hỗ trợ lãi suất trên số tiền bồi thường.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của người khởi kiện trình bày : nhà đất có nguồn gốc của ông Đỗ Phi Răng chuyển nhượng lại cho bà Vũ Thị L theo các giấy tay chuyển nhượng. Giấy tờ nhà đất có bằng khoán điền thổ, diện tích đất 463m² và nhà nước ban hành giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 39/HGN-87 ngày 04/6/1987 của Sở Nhà đất TPHCM diện tích xây dựng 118m² trên khuôn viên đất 463m². Quá trình sử dụng nhà đất, bà L bị giải tỏa một phần diện tích đất trong phạm vi 463m² có giấy tờ nên phải được bồi thường 100% theo đơn giá đất ở. Ngoài ra UBND quận B có phiếu chiết tính bổ sung tính hỗ trợ lãi suất trên số tiền bồi thường, thì cần chiết tính lại lãi suất trên số tiền bồi thường theo 100% đơn giá đất ở. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu : Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án đến có đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính tại phiên tòa. Về nội dung: Ông Răng sử dụng nhà đất được cấp giấy chứng nhận năm 1987, diện tích xây dựng 118m² trên khuôn viên đất 463m². Năm 1989, 1991, 1992 ông Răng chuyển nhượng cho bà L đất này và bà L đã sử dụng 463m² cho đến khi bị thu hồi, nên không phải là đất lấn chiếm. Quyết định công bố lộ giới năm 1995 là sau thời điểm sử dụng đất. Án sơ thẩm hủy Quyết định số 6521/QĐ-UBND ngày 15/10/2009 của Ủy ban nhân dân quận B là đúng. Đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của UBND quận B làm trong hạn luật định, hợp L nên chấp nhận.

UBND quận B kháng cáo yêu cầu xác định phần diện tích đất 89,852m² của bà L bị thu hồi, có nguồn gốc chiếm hữu bất hợp pháp và nằm trong lộ giới, nên không được bồi thường 100% theo đơn giá đất ở (UBND đã tính hỗ trợ 30% theo đơn giá đất ở là đúng).

Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 15/10/2009, UBND quận B ban hành Quyết định số 6521/QĐ-UBND. Sau khi nhận được quyết định 6521/QĐ-UBND, bà L đã làm đơn khiếu nại. Ngày 31/5/2011, Chủ tịch UBND quận B ban hành quyết định số 8105/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà L. Bà L tiếp tục khiếu nại lên Tp.HCM. Ngày 18/6/2012, Chủ tịch UBND TPHCM ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3149/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà L giữ nguyên quyết định số 8105/QĐ-UBND ngày 31/5/2011 của Chủ tịch UBND quận B.

Ngày 17/8/2012, bà Vũ Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 6521/QĐ-UBND ngày 15/10/2009 của UBND quận B tại Tòa án nhân dân thành phố H. Ngày 22/8/2012, Tòa án nhân dân TPHCM đã chuyển đơn khởi kiện của bà L đến Tòa án nhân dân quận B giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính, việc khởi kiện của bà L còn trong thời hiệu.

[2]. Xét kháng cáo của UBND quận B

Nguồn gốc phần diện tích đất bị thu hồi:

Ngày 20/4/1987 UBND quận B thỏa thuận với ông Đỗ Phi Răng tại hợp đồng mua bán nhà số 320/HĐMB: “Hai bên thỏa thuận bán và mua căn nhà mang số A24/1 CX.NTT (cư xá Cửu Long), phường 22, quận B ... căn nhà có diện tích xây dựng toàn bộ 118m² ... được xây dựng trên diện tích đất toàn khuôn viên 463m²”.

Ngày 04/6/1987 Sở Nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCN số 39/HGN-87 cho ông Đỗ Phi Răng được sở hữu căn nhà số A24/1 cư xá Cửu Long, phường 22, quận B... có diện tích xây dựng 118m², theo bản vẽ họa đồ hiện trạng nhà ngày 05/02/1987 của Phòng xây dựng quận B lập, ... diện tích đất toàn khuôn viên là 463m².

Ngày 12/12/1989 Ông Răng, bà Nga chuyển nhượng hoa màu bằng giấy tay cho bà Vũ Thị L: “vợ chồng ông Răng, bà Nga đồng ý chuyển nhượng số hoa

màu, cây ăn trái trên thửa đất có bề rộng $8,5m$ x bề dài $28m = 238m^2$ cho bà Vũ Thị L”;

Ngày 08/02/1991 chuyển nhượng thêm diện tích đất $1,5m \times 28m = 42m^2$;

Ngày 24/10/1992 chuyển nhượng thêm $6m \times 5m = 30m^2$.

Thực tế sau đó bà L sử dụng nhà $118m^2$ và toàn bộ diện tích khuôn viên đất $463m^2$. Điều này thể hiện tại biên bản kiểm tra công trình hoàn thành ngày 07/01/1999, bà L có sử dụng xây dựng trên toàn bộ diện tích đất khuôn viên như trong GCN; cụ thể $85m^2 + 84m^2 + 19,95m^2 + 272,55m^2$. (tuy rằng có xây dựng không sai phép).

Ngày 25/02/2002 UBND TPHCM cấp GCN vào sổ số 4359/2002 cho bà Vũ Thị L, công nhận diện tích xây dựng $90,7m^2$, diện tích đất $245,1m^2$.

Căn cứ vào bản vẽ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường do Công ty TNHH Dịch vụ - Khảo sát địa chất và đo đạc Quan San lập ngày 05/11/2009, thì tổng diện tích khuôn viên nhà số 122 Đường T, Phường 22, quận B là $329,6m^2$, diện tích trong ranh giải tỏa là $92,3m^2$.

Xét tại Quyết định 6521/2009/QĐ-UBND kèm phiếu chiết tính 49/P.22 ngày 28/9/2009 đối với nhà đất số 122 (số cũ A24/1A Cư xá Cửu Long) đường Đường T, Phường 22, quận B, ghi lý do chiết tính bồi thường về đất ở:

+ Phần diện tích $2,448m^2$, đối chiếu chiều dài nhà, diện tích tính từ phía sau lên, được công nhận tại GCN vào sổ số 4359/2002 cho bà Vũ Thị L, thì tính bằng 100% đơn giá đất ở... chiết tính này đúng với phương án và bà L cũng không tranh chấp.

+ Phần còn lại $92,3m^2 - 2,448m^2 = 89,852m^2$, UBND quận B chiết tính hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở, vì đất có nguồn gốc lấn chiếm và nằm trong lộ giới, được sử dụng làm nhà ở trước năm 1992...

2.1. Cơ sở quá trình sử dụng nhà, đất:

Như phân tích ở mục [1], nhà thuộc diện nhà nước bán cho ông Răng, chủ sử dụng trước bà L, nên trong hợp đồng chỉ ghi bán nhà; thực tế ông Răng có sử dụng phần đất khuôn viên $463m^2$ và đã được ghi nhận trong GCN năm 1987 của ông Răng. Theo các giấy tay chuyển nhượng của ông Răng cho bà L, giao dịch vào thời điểm áp dụng luật đất đai năm 1987 có hiệu lực, chỉ công nhận mua bán nhà, không công nhận chuyển quyền sử dụng đất dưới mọi hình thức, nên các bên ghi *chuyển nhượng hoa màu ...trên diện tích đất...* thực tế bà L đã sử dụng toàn bộ diện tích đất khuôn viên khoảng $463m^2$, để xây nhà ở. Tính đến thời điểm bồi thường, ông Răng cũng không tranh chấp với bà L về quyền sử dụng đất.

Căn cứ Khoản 2 Điều 50 Luật đất đai năm 2003, đất do chuyển nhượng nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định pháp luật và giữa các chủ sử dụng không tranh chấp thì công nhận quyền sử dụng đất cho người sử

dụng sau.

Xét Phương án số 194/PABT ngày 28/10/2004 của UBND quận B, được phê duyệt bởi Quyết định số 5402/QĐ-UB ngày 02/11/2004 của UBND Tp.HCM; nên áp dụng Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 về đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất, cùng các văn bản đang có hiệu lực pháp luật cùng thời điểm với ngày phê duyệt phương án để giải quyết.

Căn cứ Khoản 1 Điều 4 mục A phần II Bảng quy định kèm Quyết định 2896/QĐ-UB-QLĐT ngày 17/6/1996 của UBND TPHCM: *Đất ở là đất hiện hữu có nhà ở, bao gồm cả khuôn viên nhà (nếu có) đang sử dụng hợp pháp và hợp L.*

Do đó, có cơ sở xác định diện tích đất khuôn viên $463m^2$ của ông Răng chuyển nhượng cho bà L sử dụng là hợp L.

2.2. Quy hoạch lộ giới có liên quan đến phần đất bị giải tỏa:

Căn cứ vào bản vẽ hiện trạng phục vụ công tác bồi thường do Công ty TNHH Dịch vụ - Khảo sát địa chất và đo đạc Quan San lập ngày 05/11/2009, thì tổng diện tích khuôn viên nhà số 122 Đường T (số cũ A24/1A Cư xá Cửu Long), phường 22, quận B là $329,6m^2$, diện tích trong ranh giải tỏa là $92,3m^2$;

Xét UBND quận B kháng cáo cho rằng: theo bản vẽ thiết kế xây dựng lập ngày 20/8/1990 đã được Phòng xây dựng quận B duyệt kèm giấy phép xây dựng số 407/GPXD ngày 30/8/1990, cấp cho bà L, phần diện tích được phép xây dựng (ngoài lộ giới) là $85m^2$;

Ngày 25/02/2002 bà L được cấp GCN, diện tích xây dựng được công nhận là $90,7m^2$, diện tích sử dụng $148,8m^2$, diện tích đất được công nhận $245,1m^2$, theo công bố lộ giới đường Đường T là 25m, Quyết định số 6982/QĐ-UB-QLĐT ngày 30/9/1995 (*Quyết định giải quyết khiếu nại số 8105/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận B*); phần đất $84m^2$ sử dụng vi phạm lộ giới (*Biên bản kiểm tra hoàn thành công trình số 06/BB-UB ngày 07/01/1999 của UBND quận B*)

Đến ngày 02/11/2004 UBND quận B mới ban hành Quyết định số 5402/QĐ-UB phê duyệt phương án 194/PABT ngày 28/10/2004 đối với dự án xây dựng cầu Thủ Thiêm và chỉnh trang đô thị trên địa bàn quận B.

Đối chiếu với quá trình sử dụng đất của ông Răng, theo GCN số 39/HGN-87 ngày 04/6/1987 của Sở Nhà đất cấp cho ông Đỗ Phi Răng được *sở hữu căn nhà số A24/1 cư xá Cửu Long, phường 22, quận B... có diện tích xây dựng $118m^2$, theo bản vẽ họa đồ hiện trạng nhà ngày 05/02/1987 của Phòng xây dựng quận B lập, ...diện tích đất toàn khuôn viên là $463m^2$* . Tức là phần diện tích đất khuôn viên của ông Răng được sử dụng trước thời điểm công bố lộ giới.

Căn cứ Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính Phủ về đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất:

Điều 6. Điều kiện để được đền bù thiệt hại về đất

Người bị Nhà nước thu hồi đất được đền bù thiệt hại phải có một trong các điều kiện sau đây:

6. Trường hợp không có các giấy tờ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này, người bị thu hồi đất được đền bù thiệt hại phải có các giấy tờ chứng minh được đất bị thu hồi là đất đã sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Đất đã sử dụng ổn định trước ngày 08 tháng 01 năm 1988 được ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận;

Điều 7. Người không được đền bù thiệt hại về đất

Người bị thu hồi đất không có một trong các điều kiện theo quy định tại Điều 6 của Nghị định này hoặc tại thời điểm sử dụng đất vi phạm quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đã công bố hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình, người chiếm đất trái phép, thì khi Nhà nước thu hồi đất không được đền bù thiệt hại về đất. Trong trường hợp xét thấy cần hỗ trợ thì ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

Do đó không chấp nhận kháng cáo của UBND quận B viện dẫn mục b.3, điểm b Khoản 2 phần IV của Phương án 194/2004/PABT; đất có nguồn gốc chiếm dụng thì không được bồi thường về đất, nhưng được xét hỗ trợ đối với đất nằm trong lộ giới từ trước ngày 15/10/1993 hỗ trợ bằng 30% đơn giá đất ở để tính bồi thường (bà L đã nhận tiền)

Từ những phân tích trên, có cơ sở xác định phần diện tích 89,852m² của bà L sử dụng ổn định trước ngày 15/10/1993, đủ điều kiện được bồi thường về đất ở bằng 100% đơn giá đất ở 13.250.000 đồng/m². Buộc UBND quận B chiết tính lại, theo hướng (89,852m² x 30% x 13.250.000 đồng/m²) /trên tổng số tiền 389.597.700 đồng, tăng lên thành (89,852m² x 100% x 13.250.000 đồng/m²) /trên tổng số tiền 1.222.975.000 đồng x lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng x thời gian bồi thường chậm (kể từ ngày 02/11/2004 đến ngày ban hành Quyết định chi trả tiền bồi thường – sau khi án có hiệu lực pháp luật)

Theo quy định, những dự án thực hiện theo Nghị định 22/1988/NĐ-CP của Chính Phủ, đã ban hành phương án (không có Phương án bổ sung), mà UBND thực hiện bồi thường chậm thì cần hỗ trợ tiền lãi trên số tiền bồi thường chậm x lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng x thời gian chậm bồi thường (Công văn số 4720/UBND-ĐTMT ngày 14/9/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh);

Xét phương án được phê duyệt năm 2004, đến năm 2009 UBND quận B mới ban hành Quyết định chi trả bồi thường 6521/2009/QĐ-UBND, là chậm, có lỗi.

Xét UBND quận B có ban hành *phiếu chiết tính bổ sung về lãi suất tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư* ngày 28/9/2009, tính lãi của số tiền chi trả

bồi thường, hỗ trợ kể từ ngày có Quyết định số 5402/QĐ-UB ngày 02/11/2004 phê duyệt Phương án. Như nêu trên, do điều chỉnh khoản tiền bồi thường, hỗ trợ từ 389.597.700 đồng, tăng thành 1.222.975.000 đồng, nên UBND quận B cần tính lại tiền lãi của khoản tiền 1.222.975.000 đồng x lãi suất tiền gửi tiết kiệm ngân hàng x thời gian bồi thường chậm (kể từ ngày 02/11/2004 đến ngày ban hành Quyết định chi trả tiền bồi thường – sau khi án có hiệu lực pháp luật)

Tòa cấp sơ thẩm hủy Quyết định 6521/2009/QĐ-UBND là đúng.

Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính, cần hủy luôn cả Quyết định giải quyết khiếu nại đối với Quyết định hành chính, nên bổ sung án sơ thẩm – hủy Quyết định số 8105/2011/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận B và Quyết định số 3149/2012/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND TP HCM.

[3]. Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên căn cứ Pháp Lnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 01/7/2009 về án phí, L phí Tòa án, người bị kiện phải chịu án phí sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng. Án phí hành chính phúc thẩm: người kháng cáo không phải chịu, do sửa án sơ thẩm theo khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, L phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Điểm a khoản 3 Điều 116; b khoản 2 Điều 193, khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Khoản 2 Điều 50 Luật đất đai năm 2003;

Điều 6, 7 Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998 của Chính Phủ về đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất;

Khoản 2 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm án phí, L phí Tòa án

Khoản 1 Điều 34 Pháp Lnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 01/7/2009 về án phí, L phí Tòa án.

Xử: Sửa một phần án sơ thẩm,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L. Hủy Quyết định số 6521/QĐ-UBND ngày 15/10/2009 của Ủy ban nhân dân quận B về việc bồi thường, hỗ trợ đối với việc giải tỏa một phần nhà, đất tại số 122 đường Đường T, Phường 22, quận B của bà Vũ Thị L (kèm phiếu số 49/P.22 ngày 28/9/2009 chiết tính chi phí bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng Cầu Thủ Thiêm- nhánh N4 tại phường 22 quận B và Phiếu chiết tính bổ sung về lãi suất tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại và tái định cư ngày 28/9/2009), liên quan đến giá trị hỗ trợ 89,852m²

$\times 13.250.000 \text{ đồng/m}^2 \times 30\% = 357.161.700 \text{ đồng}$, trong tổng số tiền chi trả bồi thường, hỗ trợ 389.597.700 đồng và tiền lãi 195.601.968 đồng ;

Buộc Ủy ban nhân dân quận B ban hành lại Quyết định chi trả bồi thường, hỗ trợ cho bà L theo quy định pháp luật.

Hủy Quyết định số 8105/QĐ-UBND ngày 31/5/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị L.

Hủy Quyết định số 3149/QĐ-UBND ngày 18/6/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, về việc giải quyết khiếu nại của bà Vũ Thị L.

2. Án phí:

Án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng), buộc Ủy ban nhân dân quận B phải chịu.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà Vũ Thị L số tiền 200.000 (hai trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu số AH/2011/04856 ngày 01/4/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Án phí hành chính phúc thẩm : Ủy ban nhân dân quận B không phải chịu. Hoàn lại tạm ứng án phí phúc thẩm cho Ủy ban nhân dân quận B 300.000 đồng theo phiếu thu số AA/2017/0004428 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND TP HCM ;
- Chi cục THADS quận B;
- TAND quận B ;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Hiếu